



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 23

Ngày 30 tháng 10 năm 2021

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

30/09/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 08/2021/NQ-HĐND quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (Đăng từ Công báo số 22 đến Công báo số 23)	2
------------	---	---

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2021/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 09 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 56/BC-VHXXH ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, như sau:

1. Nhà ở xa trường, khoảng cách từ nhà đến trường từ 04 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 07 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở, từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

2. Nhà ở xa trường, khoảng cách từ nhà đến trường từ 01 km trở lên đến dưới 04 km đối với học sinh tiểu học; từ 02 km trở lên đến dưới 07 km đối với học sinh trung học cơ sở; từ 05 km trở lên đến dưới 10 km đối với học sinh trung học phổ thông do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: phải qua hồ, sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá có thể gây nguy hiểm, mất an toàn đối với học sinh.

3. Địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là các xã, bản đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

(có Phụ lục số 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 123/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; Nghị quyết số 137/2020/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 123/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khóa XV, kỳ họp Chuyên đề thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH; Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài Chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- TT HĐND; UBND; UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH - HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, MTTQVN các huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Linh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục số 01 (nối tiếp Công báo số 22)
DANH SÁCH CÁC XÃ, BẢN LÀM CĂN CỨ XÁC ĐỊNH HỌC SINH KHÔNG THỂ
ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY ĐỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực III hoặc bản ĐBK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
I	Xã Mường Hung	III	Trường TH Mường Hung	Trường THCS Mường Hung	Trường THPT Chiềng Khương	
1	Bản Huổi Bua		7	14	20	
2	Bản Kéo Co		7	11	13	
3	Bản Huổi Khôm		6	9,5	20	
4	Bản Huổi Õi		4	10,5	23	
5	Bản Om			7	15	
6	Bản Muôn			9	17	
7	Bản Co Tra			7,3	16	
8	Bản Phiêng Nghiệu			8	17	
9	Bản Ít			8	16	
10	Bản Bua Xá			10	32	
11	Bản Huổi Hìn			11	20	
12	Bản Bua Hìn			10	22	
13	Bản Cương Chính			7	14	
14	Bản Trung Dũng			7	14	

CÔNG BÁO SON LA/Số 23/Ngày 30-10-2021

15	Bản Co Cườm				7	15	
16	Bản Nà Ngắn				7,1	15	
17	Bản Pho			4,5		13	
18	Bản Lúa			4,5		13	
19	Bản Phiêng Hoi			5		14	
20	Bản Nà Ái					14	
21	Bản Kéo					13	
22	Bản Phiêng Pỉnh					14	
23	Bản Cát (bản Lọng Tồng và bản Cát)					11,5	
24	Bản Phiêng Lươn					10,1	
25	Bản Nà Nồng					12,5	
26	Bản Nà Hứa					12,5	
27	Bản Còi					13,5	
28	Bản Hát So					13,5	
29	Bản Nà Cẩm (bản Phai Cẩm và bản Nà Cẩm)					12	
30	Bản Quỳnh Long					14	
31	Bản Huồi					30	
32	Bản Phiêng Pên					15	
33	Bản Đội Sáu					13	
34	Bản Mừng Hưng					11	
35	Bản Hồng Dồi					12	
36	Bản Yên Sơn					12	

37	Bản Hát 8						14	
38	Bản Lúa						15	
39	Bản Mường Tở						11	
40	Bản Áng						12	
41	Bản Lọng Niếng						13	
							Trường THPT Sông Mã	
42	Bản Muôn						17	
43	Bản Cương Chính						17	
44	Bản Nà Cầm						23	
45	Bản Trung Dũng						17	
46	Bản Phiêng Pén						25	
47	Bản Đội 6						20	
48	Bản Ít						16	
49	Bản Mường Hung						23	
50	Bản Hong Dồm						21	
51	Bản Huổi Òi						31	
52	Bản Nà Ngần						28	
53	Bản Yên Sơn						23	
54	Bản Cát						24	
55	Bản Lúa						18	
56	Bản Kéo Co						32	
57	Bản Huổi Bua						36	
58	Bản Kéo						25	

82	Bản Phiêng Nghiu					29		
III	Xã Mường Cai	III	Trường TH Mường Cai	Trường PTDTBT THCS Mường Cai	Trường THPT Chiềng Khương			
1	Bản Co Bay		11	7	22			
2	Bản Háng Lía		15	15	40			
3	Bản Phiêng Piềng		14	20	50			
4	Bản Sài Khao		17	22	55			
5	Bản Huổi Hư		9	15	45			
6	Bản Pá Vẹ		12	18	48			
7	Bản Huổi Khe		15	15	45			
8	Bản Xia Kia (Sài Kia)		8	17	47			
9	Bản Co Phường			7	37			
10	Bản Huổi Co		8		30			
11	Bản Ta Lát		8		35			
12	Bản Huổi Mười		4		35			
13	Bản Nà Kham		4		30			
14	Bản Nà Dòn (bản Nà Dòn, bản Mới và bản Buôm Pán)		8		29			
15	Bản Mường Cai (bản Phiêng Púng và bản Nà Ngta)				35			
					Trường THPT Sông Mã			
16	Bản Co Bay				23			
17	Bản Nà Dòn				27			
18	Bản Huổi Co				30			
19	Bản Ta Lát				36			

[illegible]

11	Bản Púng Cắm					13	
12	Bản Tân Hồng					16	
13	Bản Nà Un Trong					12	
						Trường THPT Sông Mã	
14	Bản Nong Phạ					54	
15	Bản Ổ					42	
16	Bản Tiên Chung					43	
17	Bản Sai					44	
18	Bản Púng Cắm					45,5	
19	Bản Tin Tộc					50	
20	Bản Nà Hò					47	
21	Bản Nà Un Trong					48	
22	Bản Nà Un Ngoài					49	
23	Bản Kỳ Ninh					51	
24	Bản Lọng Lót					53	
25	Bản Tân Hồng					45	
26	Bản Co Đưa					55	
V	Xá Huổi Một	III	Trường PTDTBT TH Huổi Một	Trường PTDTBT THCS Huổi Một	Trường THPT Sông Mã		
1	Bản Huổi Pán (bản Huổi Pán và bản Huổi Vạng)		5	7	11		
2	Bản Nà Nghiều		7,5	7,5	13		
3	Bản Phá Thổng		6	7	11,5		
4	Bản Nong Ke		18	18	22,5		

5	Bán Túp Phạ A		7	17	20,2	
6	Bán Túp Phạ B		4	18	17,2	
7	Bán Nậm Pù (bản Nậm Pù A và bản Nậm Pù B)			7	12	
8	Bán Co Mạ (bản Co Mạ A và bản Co Mạ B)			12	15	
9	Bán Tà Hóc			9	14	
10	Bán Khua Hộ			11	15,2	
11	Bán Cang Cói			12	16	
12	Bán Pa Tết			14	16,8	
13	Bán Pá Mẩn			7	12	
VI	Xã Nà Ngịu	III	Trưởng TH Nà Ngịu	Trưởng THCS Nà Ngịu	Trưởng THPT Sóng Mã	
1	Bán Phiêng Tò		8	8	10	
2	Bán Nong Léch		10	10	15	
3	Bán Long Lăn		9	9	11	
4	Bán Bom Phung		12	12	15	
5	Bán Ngụ Hấu		11	11	14	
6	Bán Quyết Tâm		4			
7	Bán Huổi Liù (Huổi Săng + Nà Liù)			7		
8	Bán Nậm Ủn (Co Mạ + Nậm Ủn + Co Phèn)			8	10	
9	Bán Phiêng Pồng			8	11	
10	Bán Co Phường			10	10	
11	Bán Mế Bon (bản Mế, Bản Bon)			8	11	
12	Bán Lười Là (bản Là Nà và bản Nà Lười)			9	12	

13	Bản Nà Pàn			7			
14	Bản Nà Pàn II			7,5			
15	Bản Co Tông			7		11	
16	Bản Huổi Cỏi					10	
17	Bản Tiên Phong					10	
18	Bản Xum Côn			7,5			
19	Bản Ten Ứ, xã Chiềng Sơ		14	14			
			Trường TH Bản Mé				
20	Bản Hua Pàn		4	9		11	
VII	Xã Chiềng Khoang	III	Trường TH Chiềng Khoang	Trường THCS Chiềng Khoang	Trường THPT Sông Mã		
1	Bản Lũng Quai		10	10		19	
2	Bản Bó Chạy		15	15		16	
3	Bản Búa Cóp		10	10		16	
4	Bản Nà Ngập		8	8		19	
5	Bản Hồng Nam		4,5			14	
6	Bản Pìn		4			13	
7	Bản Hua Na		4				
8	Bản C5 (Đội 5)		5,8				
9	Bản Bó Luông		5,8			12	
10	Bản Xi Lô			7		17	
			Trường TH Hải Sơn				
11	Bản Nậm Sỏi		5,3	8		16,2	
12	Bản Ta Bay		5,7	13		17	

[illegible]

36	Bản Huối Bó						13	
37	Bản Huối Hào						14	
38	Bản Co Phen						12	
39	Bản Huối Khoong						12,5	
40	Bản Bó Sắn						16,3	
41	Bản Đội 3 (Bản C3)						12,5	
							Trường THPT Chiềng Khương	
42	Bản Hải Sơn						25	
43	Bản Lè						24	
44	Bản Không Tợ						20	
45	Bản Lướt						20	
46	Bản Mòn						23	
47	Bản Pìn						20	
48	Bản Chiền						20	
49	Bản Púng						20	
50	Bản Cang						19	
51	Bản Huối Hào						19	
52	Bản Hát Lay						19	
53	Bản Pá Bồng						20	
54	Bản Liên Phương						25	
55	Bản Hồng Lam						30	
56	Bản Xi Lô						14	
57	Bản Hoàng Mã						23	

[illegible]

12	Bản Chạy Càng (bản Chạy và bản Càng)						32	
							Trường THPT Mường Lầm	
13	Bản Huỗi Khoang						32	
14	Bản Chu Vai						33	
15	Bản Nhà Sày						34	
16	Bản Nà Luống						25	
17	Bản Nà Cà						24	
18	Bản Chả						23	
19	Bản Huỗi						26	
20	Bản Pá Ban						21	
21	Bản Púng Hày						20	
22	Bản Púng Khương						18	
23	Bản Nậm Mẩn						27	
24	Bản Chạy Càng						28	
X	Xã Mường Lầm	III	Trường TH & THCS Mường Lầm	Trường TH & THCS Mường Lầm	7	Trường THPT Mường Lầm		
1	Bản Lóm Hòm (bản Lóm Hòm, Pá Ngá, Pá Nhạp)		7	7		11		
						Trường THPT Sông Mã		
2	Bản Huỗi Ến		4			33		
3	Bản Sàng					30		
4	Bản Phèn					28		
5	Bản Ngày					26		
6	Bản Lầu					26		

7	Bản Tà Cọng					24		
8	Bản Mường Tợ					25		
9	Bản Mường Nưa					28		
10	Bản Pá Có					31		
11	Bản Mường Cang					26		
12	Bản Nà Và					26		
13	Bản Hịa					33		
14	Bản Lóm Hòm					36		
XI	Xã Yên Hưng	III	Trường TH Yên Hưng	Trường THCS Yên Hưng	Trường THPT Mường Lầm			
1	Bản Hua Mừ		7	14	16			HS xóm Huổi Mạt được hưởng
2	Bản Tín Tộc		6	12,5	13,5			
3	Bản Bang		7	14	15			
4	Bản Hua Sòng		5					
5	Bản Nà Lăn			9,5	11			
6	Bản Lùng Há			10,5	12			
7	Bản Pá Pao			7,5				
8	Bản Huổi Púng			9,5	11			
					Trường THPT Sông Mã			
9	Bản Hua Mừ				36			
10	Bản Nà Lăn				31			
11	Bản Tín Tộc				38			
12	Bản Lùng Há				33			

[illegible]

4	Bản Huồi Lay		8	7	27	
5	Bản Nong Xô		6		26	
6	Bản Co Khương			8	11	
7	Bản Huồi Tư			7	14	
8	Bản Cù Bú			7	12	
9	Bản Chéo				13	
10	Bản Nuốt Còn (bản Song Còn, bản Ten, bản Nuốt và bản Ở En)				21	
11	Bản Chiềng Vàng (bản Phiềng Chiềng và bản Vàng)				20	
12	Bản Pịn				18	
13	Bản Nà Ban				20	
14	Bản Nà Lạt				21	
					Trường THPT Sông Mã	
15	Bản Nuốt Còn				44	
16	Bản Pịn				41	
17	Bản Nà Sàng				37	
18	Bản Huồi Lay				38	
19	Bản Nà Lạt				44	
20	Bản Hua Vả				49	
21	Bản Huồi Tư				45	
22	Bản Cù Bú				42	
23	Bản Chéo				44	
24	Bản Co Khương				41	

18	Bản Nà Khựa						13		
19	Bản Nà Tông						16		
20	Bản Phiêng Đìn						18		
21	Bản Pàn						17		
22	Bản Nà Hiếm						18		
23	Bản Nà Pàn						20		
24	Bản Đứa						21		
25	Bản Nà Hay						23		
							Trường THPT Sông Mã		
26	Bản Huổi Tông						26		
27	Bản Lọng Nghiệu						31		
28	Bản Hua Cắt						34		
29	Bản Xen Xay						26		
30	Bản Búa Hụn						34		
31	Bản Pá Lâu						31		
32	Bản Nà Sèo						26		
33	Bản Pá Men						32		
34	Bản Co Dâu						34		
35	Bản Nà Lăn						28		
36	Bản Nà Tông						24		
37	Bản Nà Hiếm						26		
38	Bản Huổi Cắt						34		
39	Bản Nà Pàn						26		

[illegible]

11	Bản Hua Phảng		10	26	32	
12	Bản Nộc Cốc II			14	20	
13	Bản Phá Thông			20	26	
14	Bản Hin Pén			16	22	
15	Bản Nà Tấu			21	27	
16	Bản Nà Tấu II			23	29	
17	Bản Tia			17	23	
18	Bản Trà Lầy		5		12	
19	Bản Huổi Lạnh				12	
20	Bản Nà Lóc				10	
21	Bản Púng Núa				15	
22	Phiêng Muông				11	
					Trường THPT Sông Mã	
23	Bản Cù				41	
24	Bản Huổi Lạnh				44	
25	Bản Phiêng Nồng				42	
26	Bản Đứa Luông				43	
27	Bản Đứa Mòn				43	
28	Bản Nà Lóc				44	
29	Bản Phiêng Muông				45	
30	Bản Trà Lầy				47	
31	Bản Tạng Són				50	
32	Bản Huổi Léch				52	

[illegible]

6	Bản Lọng Sày			13	20	Học tại điểm trường Trung tâm
7	Bản Huổi Púng			9	13	Học tại điểm trường Trung tâm
8	Bản Co Tòng				17	
					Trường THPT Sông Mã	
9	Bản Hua Pát				60	
10	Bản Nà Bó				57	
11	Bản Lọng Xáy				54	
12	Bản Co Muông				50	
13	Bản Huổi Púng				45	
14	Bản Huổi Hân				45	
15	Bản Pá Lung				40	
16	Bản Pá Nì				40	
17	Bản Huổi Ến				38	
18	Bản Lung				45	
19	Bản Ten				45	
20	Bản Hua Lung				50	
21	Bản Làng Mới				43	
22	Bản Co Tòng				50	
23	Bản Huổi Pàn				38	
XVI	Xã Bó Sinh	III	Trường PTDTBT TH&THCS Bó Sinh	Trường PTDTBT TH&THCS Bó Sinh	Trường THPT Mường Lát	
1	Bản Huổi Tình		14	14	28	
2	Bản Huổi Tính		15	15	29	

3	Bản Nong		8	8	22		
4	Bản Bó Sinh		7	7	21		
5	Bản Bó Sinh B		7	7	21		
6	Bản Pá Khoang		9	9	23		
7	Bản Nà Niêng			10	24		
8	Bản Pá Ma			10	24		
9	Bản Bó Kheo		5		19		
10	Bản Bàng Mòn		4		18		
11	Bản Ngày		6		11		
12	Bản Pát (bản Pát và bản Co Mị)		5		12		
13	Bản Hìn Hụ		5		18		
14	Bản Phổng (bản Phổng, bản Phổng III)				15		
15	Bản Phổng II				14		
16	Bản Dạ				15		
					Trường THPT Sông Mã		
17	Bản Bó Kheo				55		
18	Bản Bó Sinh				60		
19	Bản Bó Sinh B				60		
20	Bản Pá Ma				72		
21	Bản Nà Niêng				72		
22	Bản Huổi Tình				80		
23	Bản Huổi Tĩnh				80		

24	Bản Bằng Mòn					50	
25	Bản Pá Khoang					48	
26	Bản Nong					60	
27	Bản Phóng					50	
28	Bản Phóng 2					50	
29	Bản Dạ					50	
30	Bản Hìn Hụ					45	
31	Bản Pát					50	
32	Bản Ngày					44	
XVII	Xá Pú Bẩu	III	Trưởng TH & THCS Pú Bẩu	Trưởng TH & THCS Pú Bẩu	Trưởng THPT Mường Lầm		
1	Bản Pha Hấp		10	10	32		
2	Bản Huồi Lán		11	12	34		
3	Bản Háng Xía		5		26		
4	Bản Hấp				26		
5	Bản Pú Bẩu				25		
6	Bản Pá Lâu				23		
7	Bản Pá Lâu II				23		
8	Bản Pá Ca (bán Mạ Mẫu và bán Pá Pao)				22		
					Trưởng THPT Sông Mã		
9	Bản Pá Ca				60		
10	Bản Pú Bẩu				60		
11	Bản Pá Lâu				61		

12	Bản Pá Lâu 2					61	
13	Bản Háng Xía					65	
14	Bản Pha Hấp					69	
15	Bản Huồi Lán					60	
16	Bản Hấp					65	
XVIII	Xá Chiềng Khương		I			Trường THPT Sông Mã	
1	Bản Phụ		ĐBKK			32	
K. Các trường học trên địa bàn huyện Mộc Châu: Gồm 32 lượt xã, 379 lượt bản							
I	Xá Chiềng Hắc		I			Trường THPT Thảo Nguyên	
1	Bản Tả số 1		Bản ĐBKK			30	
						Trường THCS & THPT Chiềng Sơn	
2	Bản Cò Lù		Bản ĐBKK			30	
						Trường THPT Mộc Lý	
3	Bản Tả số 1		Bản ĐBKK			18	
4	Bản Cò Lù		Bản ĐBKK			20	
II	Xá Chiềng Khừa		III	Trường PTDTBT TH & THCS Chiềng Khừa (tại khu tiểu học)	Trường PTDTBT TH & THCS Chiềng Khừa (tại khu THCS)	Trường THCS & THPT Chiềng Sơn	
1	Bản Trọng			10	10	40	
2	Bản Căng Ty			13	13	40	
3	Bản Suối Đon			8	8	35	
4	Bản Ông Lý			8	8	65	
5	Bản Xa Lú			11	11	27	
6	Bản Khừa					40	

7	Bản Phách					47	
						Trường THPT Mộc Lý	
8	Bản Phách					35	
9	Bản Suối Đon					40	
10	Bản Xa Lù					27	
11	Bản Ông Lý					30	
12	Bản Căng Ty					25	
13	Bản Trọng					37	
14	Bản Cang					39,5	
15	Bản Tông					37	
16	Bản Khừa					38,5	
III	Xã Đông Sang	I				Trường THPT Tháo Nguyên	
1	Bản Co Sung	Bản ĐBKK				17	
2	Bản Nà Kiến	Bản ĐBKK				15	
3	Bản Pa Phách 2	Bản ĐBKK				12	
						Trường THPT Mộc Lý	
4	Bản Pa Phách 2	Bản ĐBKK				15	
5	Bản Co Sung	Bản ĐBKK				10	
6	Bản Nà Kiến	Bản ĐBKK				12	
IV	Xã Hua Páng	I				Trường THPT Mộc Lý	
1	Bản Suối Ba	Bản ĐBKK				25	
2	Bản Suối Ngõa	Bản ĐBKK				27	

										CÔNG BÁO SƠN LA/Số	23/Ngày	30-10-2021			31
3	Bản Suối Ba	Bản ĐBKk						Trưởng THPT Thảo Nguyên							
4	Bản Suối Ngõa	Bản ĐBKk						48							
V	Xã Lóng Sập	II	Trường PTDT bán trú TH & THCS Lóng Sập (tại khu tiểu học)	Trường PTDT bán trú TH& THCS Lóng Sập (tạikhu THCS)				27							
1	Bản Bốc Pát	Bản ĐBKk	5					15							
2	Bản Hồng Hóa	Bản ĐBKk	8				8	13							
3	Bản Cỏ Cháy	Bản ĐBKk	5					14							
4	Bản Pu Nhàn	Bản ĐBKk	8				8	15							
5	Bản Pha Nhên	Bản ĐBKk	5					15							
6	Bản Pha Dón	Bản ĐBKk	25				25	16							
								Trưởng THPT Mộc Lý							
7	Bản Hồng Hóa	Bản ĐBKk						30							
8	Bản Cỏ Cháy	Bản ĐBKk						29							
9	Bản Pu Nhàn	Bản ĐBKk						35							
10	Bản Pha Nhên	Bản ĐBKk						33							
11	Bản Bốc Pát	Bản ĐBKk						34							
12	Bản Pha Dón	Bản ĐBKk						29,5							
VI	Xã Nà Muồng	I						Trưởng THPT Mộc Lý							
1	Bản Suối Khua	Bản ĐBKk						28							
2	Bản Sầm Năm	Bản ĐBKk						29							
								Trưởng THPT Thảo Nguyên							
3	Bản Suối Khua	Bản ĐBKk						25							

4	Bản Săm Năm	Bản ĐBKK				28			
VII	Xã Quy Hướng	II	Trường TH&THCS Quy Hướng (tại khu THCS)	Trường TH&THCS Quy Hướng (tại khu tiểu học)		Trường THPT Mộc Lý			
1	Bản Chiềng Không	Bản ĐBKK			7	51			
2	Bản Nà Giảng 2	Bản ĐBKK				55			
3	Bản Vằng Khoài	Bản ĐBKK				45			
4	Bản Bền Trai	Bản ĐBKK	4		8	54			
5	Bản Đồng Giảng	Bản ĐBKK	7		10	45			
						Trường THPT Thảo Nguyên			
6	Bản Chiềng Không	Bản ĐBKK				51			
7	Bản Nà Giảng 2	Bản ĐBKK				55			
8	Bản Vằng Khoài	Bản ĐBKK				45			
9	Bản Bền Trai	Bản ĐBKK				54			
10	Bản Đồng Giảng	Bản ĐBKK				45			
VIII	Xã Tà Lại	III				Trường THPT Tân Lập			
1	Bản Lồng Hồ					16			
2	Bản C5					15			
3	Bản Tà Lọt					18			
4	Bản Nà Cạn					21			
5	Bản Nong Cút					11			
6	Bản Pải Mỏ					16			
7	Bản Trai Tôn					19			
8	Bản Trai Sơn					20			

[illegible]

[illegible]

													CÔNG BÁO SƠN LA/Số 23/Ngày 30-10-2021			37
10	Bản Lóng Luống														Trường THPT Mộc Lý	
11	Bản Co Lóng														30	
12	Bản Sân Cài														32	
13	Bản Pa Kha														33	
14	Bản Co Chàm														31	
15	Bản Lung Xá														40	
16	Bản Tà Dê														32	
17	Bản Co Tang														33,5	
18	Bản Suối Bon														38	
IV	Xã Tân Xuân					III									35	
1	Bản Láy														Trường THPT Thảo Nguyên	
2	Bản Bún														55	
3	Bản Cột Móc														50	
4	Bản Đông Tà Lào														25	
5	Bản Tây Tà Lào														40	
6	Bản Tây Tà Lào														50	
7	Bản Ngà														60	
8	Bản Bưôt														60	
9	Bản Sa Lai														45	
10	Bản Thăm Tôn														55	
															70	
															Trường THCS & THPT Chiềng Sơn	

11	Bản Cột Mốc					25	
12	Bản Đông Tà Lào					40	
13	Bản Tây Tà Lào					50	
14	Bản Bướn					45	
						Trường THPT Mộc Lý	
15	Bản Láy					60	
16	Bản Đông Tà Lào					58	
17	Bản Tây Tà Lào					58	
18	Bản Ngà					50	
19	Bản Bùn					55	
20	Bản Bướn					48	
21	Bản Sa Lai					72	
22	Bản Cột Mốc					68	
23	Bản Thăm Tôn					53	
V	Xã Mường Tè	III				Trường THPT Tháo Nguyên	
1	Bản Pơ Tào					65	
2	Bản Háng					70	
3	Bản Pù Hiềng					50	
4	Bản Nhúng					60	
5	Bản Mường Tè					40	
6	Bản Hào					60	
7	Bản Chiềng Ban					50	

[illegible]

						CÔNG BÁO SON LA/Số 23/Ngày 30-10-2021					
VII	Xã Chiềng Yên		III				Trường THPT Thảo Nguyên				
1	Bản Bồng Hà						40				
2	Bản Bưởi						50				
3	Bản Niên						60				
							Trường THPT Mộc Lý				
4	Bản Bồng Hà						60				
5	Bản Phụ Mẫu						55				
6	Bản Leo						59				
7	Bản Nà Bai						50				
8	Bản Phà Lè						58				
9	Bản Piềng Chá						55				
10	Bản Pà Puộc						60				
11	Bản Suối Mực						57				
12	Bản Cò Bá						59				
13	Bản Bưởi						68				
14	Bản Niên						53				
VIII	Xã Chiềng Xuân		III				Trường THPT Thảo Nguyên				
1	Bản Nậm Dên						60				
2	Bản Nà Sàng						50				
3	Bản Tân Thành						70				
4	Bản Sa Lai						40				
5	Bản Khò Hồng						35				

4	Bản Nà Hiềng					50	
5	Bản Chiềng Nưa					50	
6	Bản Chiềng Hìn					50	
7	Bản Nà An					50	
8	Bản Mường An					50	
						Trường THCS&THPT Chiềng Sơn	
9	Bản Pù Lầu					35	
10	Bản Chiềng Hìn					20	
11	Bản Tùn					25	
12	Bản Bưôt					45	
						Trường THPT Mộc Lỵ	
13	Bản Tùn					45	
14	Bản Pù Lầu					55	
15	Bản Nà Hiềng					48	
16	Bản Chiềng Nưa					50	
17	Bản Chiềng Hìn					51	
18	Bản Thín					53	
19	Bản Nà An					52	
20	Bản Mường An					50,5	
X	Xã Tô Múa	III				Trường THPT Mộc Lỵ	
1	Bản Co Cài					48	
2	Bản Lắc Mường					46	

[illegible]

7	Bản Khoang Tuống						58	
8	Bản Châu Phong						57	
9	Bản Ám						58	
10	Bản Pư Lai						57	
							Trưởng THPT Thảo Nguyên	
11	Bản Sỏi						58	
12	Bản Suối Khẩu						60	
13	Bản Chiềng Đa						65	
14	Bản Bó						57	
15	Bản Pa Dì						60	
16	Bản Nà Lồi						60	
17	Bản Khoang Tuống						58	
18	Bản Châu Phong						57	
19	Bản Ám						58	
20	Bản Pư Lai						57	
XIII	Xã Mường Men	III					Trưởng THPT Mộc Lý	
1	Bản Uóng						50	
2	Bản Khả Nhài						57	
3	Bản Chột						56	
4	Bản Ui						52	
5	Bản Nà Pa						55	
6	Bản CóM						53	
XIV	Xã Liên Hòa	III					Trưởng THPT Mộc Lý	

[illegible]

13	Bản Pa Kha I					52	
14	Bản Pom Khóc					54	
15	Bản Pa Khôm					52	
16	Bản Co Lắc					56	
II	Xã Tú Nang	III				Trường THPT Mộc Lỵ	
1	Bản Tà Làng Thấp					35	
2	Bản Tà Làng Cao					45	
3	Bản Đông Khùa					30	
4	Bản Nong Pét					35	
5	Bản Cổ Nông					36	
6	Bản Nàng Yên					35	
7	Bản Cây Ton					34	
8	Bản Hua Đán					36	
9	Bản Cô Tông					35	
10	Bản Bó Mon					37	
11	Bản Suối Bùn					36	
12	Bản Tin Tộc					35	
13	Bản Cốc Cù					38	
14	Bản Tú Quỳnh					34	
15	Bản Văng Phay					35	
16	Bản Chiềng Ban I					34	
17	Bản Chiềng Ban II					34,5	
18	Bản Cốc Lắc					30	

19	Bản Trung tâm					37	
20	Bản Cung giao thông Tà Làng					30	
						Trưởng THPT Thảo Nguyên	
21	Bản Tà Làng Tháp					36	
22	Bản Tà Làng Cao					37	
23	Bản Đông Khùa					42	
24	Bản Nong Pét					35	
25	Bản Cốc Nóng					36	
26	Bản Nàng Yên					35	
27	Bản Cây Ton					34	
28	Bản Hua Đán					36	
29	Bản Cô Tông					35	
30	Bản Bó Mon					37	
31	Bản Suối Bùn					36	
32	Bản Tin Tót					35	
33	Bản Cốc Cù					38	
34	Bản Tú Quỳnh					34	
35	Bản Văng Phay					45	
III	Xã Lóng Phiêng	III				Trưởng THPT Mộc Ly	
1	Bản Pha Cúng					55	
2	Bản Nà Mùa					50	
3	Bản Pa Sa					52	

4	Bản Nong Đức						50		
5							54		
6	Bản Tô Buông						50		
7	Bản Mơ Tươi						60		
8	Bản Tà Vàng						60		
9	Bản Yên Thi						55		
10	Bản Quỳnh Châu						58		
							Trường THPT Thảo Nguyên		
11	Bản Pha Cứng						55		
12	Bản Nà Mùa						50		
13	Bản Cò Chia						52		
14	Bản Pa Sa						50		
15	Bản Nong Đức						54		
16	Bản Tô Buông						50		
17	Bản Mơ Tươi						60		
18	Bản Tà Vàng						60		
19	Bản Yên Thi						55		
20	Bản Quỳnh Châu						58		
IV	Xã Phiêng Khoài	III					Trường THPT Mộc Lý		
1	Bản Ái 1						54		
2	Bản Ái 2						55		
3	Bản Kim Chung 1						50		

4	Bản Kim Chung 2					51	
5	Bản Kim Chung 3					51,5	
						Trưởng THPT Thảo Nguyên	
6	Bản Ái 1					55	
7	Bản Ái 2					55	
8	Bản Kim Chung 1					50	
9	Bản Kim Chung 2					50	
10	Bản Kim Chung 3					59	
V	Xã Sập Vật		III			Trưởng THPT Mộc Lý	
1	Bản Nóng Khéo					50	
Huyện Mai Sơn có học sinh học tại huyện Mộc Châu gồm: 01 lượt xã, 01 lượt bản							
1	Xã Tà Hộc		III			Trưởng THPT Mộc Lý	
1	Bản Hộc					102	
Huyện Bắc Yên có học sinh học tại huyện Mộc Châu gồm: 01 lượt xã, 01 lượt bản							
I	Xã Chiềng Sại		III			Trưởng THPT Tân Lập	
1	Bản Suối Ngang					102	
L. Các trường học trên địa bàn huyện Mường La: Gồm 21 lượt xã, 390 lượt bản							
I	Xã Tà Bú		III		Trưởng TH-THCS Tà Bú	Trưởng THPT Mường La	
1	Bản Kết			8	8		
2	Bản Tà Bú			6			
3	Bản Mòn					11	
4	Bản Tà Búng					14	

5	Bản Bắc		4,1		18,1	
6	Bản Pâu		7,5		21,5	
7	Bản Tôm		5		19	
8	Bản Pét		4		18	
9	Bản Thẩm Hôn		14	14	10	
10	Bản Pá Tong		13	13	27	
11	Bản Chom Cọ		14	14	28	
12	Bản Buôi		9,1	9,1	23,1	
					Trường THPT Mường Bú	
13	Bản Kết				11	
14	Bản Tạ Bú				10	
15	Bản Tạ Búng				15	
16	Bản Bắc				16	
17	Bản Pâu				15	
18	Bản Tôm				14	
19	Bản Pét				14	
20	Bản Thẩm Hôn				11	
21	Bản Pá Tong				15	
22	Bản Chom Cọ				12	
23	Bản Buôi				17	
II	Xã Mường Chùm	I			Trường THPT Mường La	
1	Bản Nong Chạy	ĐBKK			34	
2	Bản Nong Buôi	ĐBKK			24	

3	Bản Huỗi Hiều	ĐBKK				32	
						Trường THPT Mường Bú	
4	Bản Nong Chạy	ĐBKK				10	
5	Bản Huỗi Hiều	ĐBKK				14	
III	Xã Nặm Păm	III	Trường TH-THCS Nặm Păm	Trường TH-THCS Nặm Păm		Trường THPT Mường La	
1	Bản Hua Năm		4,5				
2	Bản Ít		4,5			13,5	
3	Bản Hua Piệng		8	8		22	
4	Bản Huỗi Có		5			17	
5	Bản Nong Bấu		7	7		13	
6	Huỗi Liếng					10	
7	Bản Huỗi Hóc					13	
8	Bản Bâu					13	
9	Bản Piệng					13	
						Trường THPT Mường Bú	
10	Bản Hua Năm					22,5	
11	Bản Ít					31,5	
12	Bản Hua Piệng					35	
13	Bản Huỗi Có					32	
14	Bản Nong Bấu					34	
15	Bản Huỗi Liếng					24,5	
16	Bản Huỗi Hóc					29,5	

17	Bản Báu					29		
18	Bản Piêng					30		
19	Bản Hóc					26		
IV	Xã Pi Toong	III	Trường TH Pi Toong	Trường THCS Pi Toong	Trường THPT Mường La			
1	Bản Chà Lào		23	24,5	21			
2	Bản Nà Trà		7	8,5	12			
					Trường THPT Mường Bú			
3	Bản Chà Lào				38			
4	Bản Nà Trà				29			
5	Bản Núa Trồ				27			
6	Bản Tong				26			
7	Bản Lửa				25			
8	Bản Nong Pi				23			
9	Bản Pi				23			
10	Bản Nà Tạy				25			
11	Bản Cang Phiêng				22			
12	Bản Ten				25			
V	Xã Mường Trai	II			Trường THPT Mường La			
1	Bản Huổi Muôn	ĐBKK			18			
2	Bản Huổi Ban	ĐBKK			27			
					Trường THPT Mường Bú			
3	Bản Huổi Muôn	ĐBKK			35,5			
4	Bản Huổi Ban	ĐBKK			44			

VI	Xã Hua Trai	III	Trường TH-THCS Hua Trai	Trường TH-THCS Hua Trai	Trường THPT Mường La	Học sinh bản Ái Ngựa cũ đủ khoảng cách hướng chế độ
1	Bản Mến		5,6	7,1	10,4	
2	Bản Ổ				16,5	
3	Bản Phiêng Lòi				15	
4	Bản Po		5		18	
5	Bản Lè		5		17,5	
6	Bản Đông Khít		7	8,5	22	Học sinh THCS bản Nậm Khít cũ đủ khoảng cách hướng chế độ
7	Bản Lọng Bong		8	9,5	23	
8	Bản Nậm Hồng		11	12,5	26	
9	Bản Pá Han		8	9,5	23	
10	Bản Thẳm Cọng		11	12,5	15,8	
					Trường THPT Mường Bú	
11	Bản Mến				30	
12	Bản Ổ				34,5	
13	Bản Phiêng Lòi				33	
14	Bản Po				36	
15	Bản Lè				35,5	
16	Bản Đông Khít				40	
17	Bản Lọng Bong				41	
18	Bản Nậm Hồng				44	
19	Bản Pá Han				41	
20	Bản Thẳm Cọng				27,4	
						53

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 23/ Ngày 30-10-2021

VII	Xã Chiềng Lao	III	Trường TH Chiềng Lao (khu C)	Trường THCS Chiềng Lao	Trường THPT Mường La	
1	Bản Huổi Tóng		5	15	39	
2	Bản Phiêng Phả		6	18	42	
3	Bản Đán Ến		9	22	46	
4	Bản Nà Léch			8	32	
5	Bản Nà Cường			11	35	
6	Bản Mạ			12	36	
7	Bản Huổi Chòi			7	31	
8	Bản Nhạp			7	31	
9	Bản Léch			7	31	
10	Bản Cùn				28	
11	Bản Tà Sài				22,5	
12	Bản Nà Nong				24	
13	Bản Phiêng Cại				26	
			Trường TH Chiềng Lao (khu B)			
14	Bản Huổi Quảng		6,5	11	36	
15	Bản Xu Xăm				26,5	
			Trường TH Chiềng Lao (khu A)			
16	Bản Pâu		4,5	7	31	
17	Bản Huổi Hậu		9	9	33	
18	Bản Pá Sóng		9	10	34	
			Trường PTDTBT TH-THCS Nậm Giôn	Trường PTDTBT TH-THCS Nậm Giôn		

[illegible]

3	Bản Huối Ngàn	25	25	25	53	
4	Bản Huối Chèo	19	19	19	47	
5	Bản Pá Hợ	15	15	15	51	
6	Bản Huối Săn	25	25	25	50	
7	Bản Huối Pười	26	26	26	51	
8	Bản Huối Hóc	10	10	10	35	
9	Bản Đen Đin	13	13	13	45	
10	Bản Huối Tao	7	7	7	59	
11	Bản Pá Mòng				65	
12	Bản Pá Pù				66,5	
13	Bản Huối Chà	4			69	
14	Bản Co Đưa	10	10	10	75	
15	Bản Huối Lẹ	14	14	14	79	
					Trưởng THPT Mường Bú	
16	Bản Nậm Cùm				82	
17	Bản Púng Ngựa				75	
18	Bản Huối Ngàn				71	
19	Bản Huối Chèo				65	
20	Bản Huối Săn				67	
21	Bản Huối Pười				62	
22	Bản Huối Hóc				52	
23	Bản Pá Hợ				69	
24	Bản Đen Đin				62	

									CÔNG BẢO SƠN LA/Số	Số 23/Ngày 30-10-2021		Học sinh THCS bản Phiêng Cừ cũ đủ khoảng cách hưởng chế độ	57
25	Bản Huỗi Chà										62		
26	Bản Co Đũa										62		
27	Bản Pá Pù										84,5		
28	Bản Huổi Lẹ										67		
29	Bản Pá Mòng										83		
30	Bản Huối Tao										77		
IX	Xã Ngọc Chiến	III		Trường TH Ngọc Chiến (điểm Mường Chiến)			Trường THCS Ngọc Chiến				Trường THPT Mường La		
1	Bản Pú Dánh			5			11,5				44,5		
2	Bản Giảng Phổng			5			12				45		
				Trường TH Ngọc Chiến (điểm Trung tâm)									
3	Bản Mường Chiến						8,5				41		
4	Bản Mường Chiến II						8				41		
5	Bản Nà Tàu						8,5				41,5		
6	Bản Chăm Pọng			4,5							37,5		
7	Bản Năm Nghiệp			11,5			11,5				44,5		
8	Bản Luốt										37		
9	Bản Phay										34,5		
10	Bản Đông Xuông										33,5		
11	Bản Khua Vai										34		
12	Lạng Cang (Long Cang + Phiêng Ái + Phiêng Cứu)			4,5			8				32		
13	Bản Huối Ngùa			14			14				47		
14	Bản Ké			14,5			14,5				19		

15	Bản Chom Khâu		16,5	16,5	48	
					Trường THPT Mường Bú	
16	Bản Pú Dánh				62,5	
17	Bản Giang Phòng				63	
18	Bản Mường Chiến				59	
19	Bản Mường Chiến II				59	
20	Bản Nà Tàu				59,5	
21	Bản Chăm Pộng				55,5	
22	Bản Nậm Nghiệp				63	
23	Bản Lướt				55,5	
24	Bản Phầy				52,5	
25	Bản Đồng Xương				51,5	
26	Bản Khua Vai				52	
27	Bản Lọng Cang				56	
28	Bản Huổi Ngùa				65	
29	Bản Kẻ				66	
30	Bản Chom Khâu				69	
X	Xá Chiềng Công	III	Trường TH Chiềng Công	Trường PTDTBT THCS Chiềng Công	Trường THPT Mường La	
1	Bản Đin Lanh				33	
2	Bản Co Sủ Trên				34	
3	Bản Co Sủ Dưới			7	35	
4	Bản Pá Chè		10	16	44	

5	Bán Kéo Hóm		4	10	38	
6	Bán Lọng Bó		12	18	46	
7	Bán Chồng Du Tẩu		5,1	9,1	37,1	
8	Bán Mới		9,8	13,8	41,8	
9	Bán Tóc Tát Trên		13,5	8,5	36,5	
10	Bán Tóc Tát Dưới		15,4	10,4	38,4	
11	Bán Khao Lao Trên		24,3	19,3	47,3	
12	Bán Khao Lao Dưới		18,3	13,3	41,3	
13	Bán Hán Cá Thệnh		25	20	48	
14	Bán Năm Hồng		13,5	8,5	36,5	
15	Bán Nong Hùn		8,5		31,5	
16	Bán Mạo		5		28	
17	Bán Tảo Ván		6,8	10,8	38,8	
					Trường THPT Mường Bú	
18	Bán Đin Lanh				52	
19	Bán Co Sủ Trên				56	
20	Bán Co Sủ Dưới				61	
21	Bán Pá Chè				51	
22	Bán Kéo Hóm				52	
23	Bán Lọng Bó				53	
24	Bán Chồng Dù Tẩu				54	
25	Bán Mới				56	
26	Bán Tóc Tát Trên				51	

27	Bản Tóc Tát Dưới					53	
28	Bản Khao Lao Trên					54	
29	Bản Khao Lao Dưới					58	
30	Bản Hán Cá Thệnh					52	
31	Bản Nậm Hồng					51	
32	Bản Nong Hùn					55	
33	Bản Mao					47	
34	Bản Tảo Ván					52	
XI	Xã Chiềng Muôn	III	Trường TH-THCS Chiềng Muôn	Trường TH-THCS Chiềng Muôn	Trường THPT Mường La		
1	Bản Nong Quai		9	9	20		
2	Bản Pá Kim				22		
3	Bản Hua Chiến				22		
4	Bản Hua Kim		4,2		25,2		
5	Bản Hua Đán		7	7	28		
6	Bản Cát Linh		7	7	28		
					Trường THPT Mường Bú		
7	Bản Nong Quai				31		
8	Bản Pá Kim				33		
9	Bản Hua Chiến				33		
10	Bản Hua Kim				36		
11	Bản Hua Đán				39		
12	Bản Cát Linh				39		

XII	Xã Chiềng Ân	III	Trường TH-THCS Chiềng Ân	Trường TH-THCS Chiềng Ân	Trường THPT Mường La	
1	Bản Tà Pù Chử		29,6	29,6	60,6	
2	Bản Sạ Súng		16	16	47	
3	Bản Hán Trạng		5,4		36,4	
4	Bản Nong Bồng				30	
5	Bản Nong Hoi Trên				32	
6	Bản Pá Xá Hồng		12	12	21	
7	Bản Nong Hoi Dưới				31	
					Trường THPT Mường Bú	
8	Bản Tà Pù Chử				79,6	
9	Bản Sạ Súng				66	
10	Bản Hán Trạng (hoặc Háng Trạng)				55,4	
11	Bản Nong Bồng				51	
12	Bản Nong Hoi Trên				51	
13	Bản Pá Xá Hồng				41	
14	Bản Nong Hoi Dưới				50	
XIII	Xã Chiềng Hoa	III	Trường TH Chiềng Hoa (khu Trung tâm)	Trường THCS Chiềng Hoa	Trường THPT Mường La	
1	Bản Nong Xưa		4		24	
2	Bản Chông		4	10	18	
3	Bản Lọng Sắn		8	15	19	
4	Bản Mường Pía			7,5	21	
			Trường TH Chiềng Hoa (khu Áng Ngịu)			61

5	Bản Tả		5		28		
6	Bản Hìn Phá		6	8,5	36,5		
7	Bản Pháy Hượn		9	12	42		
8	Bản Lúa Xe		5	7	35		
9	Bản Pá Liềng		8	9,5	37,5		
10	Bản Huồi Má		8	8	31		
11	Bản Nong É		13	13	30		
12	Bản Áng Nghiu				32,2		
13	Bản Hát Hay				21,5		
14	Bản Phương Yên (hoặc Phương Yên)				32		
			Trường TH-THCS Chiềng San	Trường TH-THCS Chiềng San			
15	Bản Chông		13	11			
16	Bản Mường Pía		16	14			
				Trường TH-THCS Tạ Bú			
17	Bản Mường Pía			11			
					Trường THPT Mường Bú		
18	Bản Nong Xưa				14		
19	Bản Chông				25		
20	Bản Lọng Sắn				18		
21	Bản Mường Pía				14		
22	Bản Tả				16		
23	Bản Hìn Phá				15		

[illegible]

13	Bản Lâm					21,5	
XV	Xã Mường Bú	I				Trường THPT Mường La	
1	Bản Huổi Hào	ĐBKK				24,6	
2	Bản Pá Xúm	ĐBKK				28	
XVI	Thị trấn Ít Ong	I				Trường THPT Mường Bú	
1	Tiểu khu Nang Cau	ĐBKK				18,5	
2	Bản Chiềng Tè	ĐBKK				17	
3	Tiểu khu Phiêng Tìn	ĐBKK				16,5	
4	Bản Nà Tòng	ĐBKK				18	
5	Bản Nà Nong	ĐBKK				18	
6	Tiểu khu Ít Bon	ĐBKK				17,5	
XVII	Xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu	III				Trường THPT Mường La	
1	Bản Mòng Luông					50	
2	Bản Co Phường					47	
3	Bản Co Khét					49	
4	Bản Cang					46	
5	Bản Hiên					50	
6	Bản Tát					50	
7	Bản Chà Lào					51	
8	Bản Bắc					47	
9	Bản Lụ					48	
10	Bản Co Săn					48,5	
11	Bản Ban Xa					47	

12	Bản Ta Mạ					62	
13	Bản Mông Nội					46	
14	Bản Kia					47	
15	Bản Tát Ướt					48	
						Trường THPT Mường Bú	
16	Bản Mông Luông					35	
17	Bản Co Phường					32	
18	Bản Co Khét					34	
19	Bản Cang					31	
20	Bản Hiên					35	
21	Bản Tát					35	
22	Bản Chà Lào					36	
23	Bản Bắc					32	
24	Bản Lụ					33	
25	Bản Co Sán					33,5	
26	Bản Ban Xa					32	
27	Bản Ta Mạ					34	
28	Bản Mông Nội					31	
29	Bản Kia					32	
30	Bản Tát Ướt					33	
XVIII	Xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu	III				Trường THPT Mường La	
1	Bản Lúa B					33	

2	Bản Sát						34		
3	Bản Củ						35		
4	Bản Hua Sát						35		
5	Bản Lạn						37		
6	Bản Ó						36		
7	Bản Thông						38		
8	Bản Lúa Hang						35		
9	Bản Tộn Pợ						34		
10	Bản Khiêng						37		
11	Bản Pục Túr						38		
12	Bản Nuống Há						34,5		
13	Bản Phé Hàng						35		
14	Bản Nam						37		
15	Bản Sào Và						37		
16	Bản Bó Phúc						38		
17	Bản Kềm						32		
18	Bản Bon						30		
19	Bản Hìn Lẹp						33		
20	Bản Sinh Lẹp						34		
							Trưởng THPT Mường Bú		
21	Bản Lúa B						18		
22	Bản Sát						19		
23	Bản Củ						21		

							CÔNG BÁO SƠN LA/Số	23/Ngày 30-10-2021				67
24	Bản Hua Sát						20					
25	Bản Lạn						22					
26	Bản Ó						21					
27	Bản Thông						23					
28	Bản Lúa Hang						20					
29	Bản Tộn Pợ						19					
30	Bản Khiêng						22					
31	Bản Phục Túm						23					
32	Bản Nuống Há						19,5					
33	Bản Phé Hăng						20					
34	Bản Nam						22					
35	Bản Sao Và						22					
36	Bản Bó Phúc						23					
37	Bản Kềm						17					
38	Bản Bon						15					
39	Bản Hin Lep						18					
40	Bản Sinh Lep						19					
XIX	Xã Bô Mười, huyện Thuận Châu	III					Trường THPT Mường La					
1	Bản Nà Sánh						33					
2	Bản Bó						32					
3	Bản Nà Viếng						32					
4	Bản Long Cu						33					
5	Bản Mười						31					

6	Bản Tra						33		
7	Bản Quỳnh Thuận						34		
8	Bản Nà Hóc						32		
9	Bản Nà Ten						31		
10	Bản Lót						33		
11	Bản Mẩn						28		
12	Bản Phiêng Xe						28		
13	Bản Phai Khon						30		
							Trường THPT Mường Bú		
14	Bản Nà Sánh						18		
15	Bản Bó						17		
16	Bản Nà Viêng						17		
17	Bản Lọng Cu						18		
18	Bản Mười						16		
19	Bản Tra						18		
20	Bản Quỳnh Thuận						19		
21	Bản Nà Hóc						17		
22	Bản Nà Ten						16		
23	Bản Lót						18		
24	Bản Mẩn						16		
25	Bản Phiêng Xe						13		
26	Bản Phai Khon						15		
XX	Xã Tà Lại, huyện Mộc Châu					III	Trường THPT Mường La		

[illegible]

16	Bản Cổ Nông				21,5	24,5	
17	Bản Cốc Lắc				15,3	18,3	
18	Bản Nong Pét				27,5	30,5	
19	Bản Chiềng Ban 1				22,5	25,5	
20	Bản Chiềng Ban 2				23	26	
21	Bản Tà Làng Cao				27	30	
22	Bản Văng Phay				29,5	32,5	
23	Bản Nà Khoang				21	24	
24	Bản Cung Giao thông Đông Khùa				17	20	
25	Bản Đông Khùa				19	22	
26	Bản Cô Tông				33	36	
27	Bản Hua Đán				28	31	
28	Bản Suối Phà				16	19	
29	Bản Trung Tâm				18	21	
30	Bản Bó Mon				33	36	
31	Bản Cay Ton				35	38	
32	Bản Cốc Cù				20	23	
33	Bản Suối Bùn				15	18	
34	Bản Tà Làng Thấp				25	28	
35	Bản Nàng Yên				21	24	
36	Bản Cung Tà Làng				26	29	
37	Bản Tú Quỳnh				29	32	

[illegible]

8	Bản Ôn Ốc			31	34	
9	Bản Pá Khôm			28	31	
10	Bản Đảo			28	31	
					Trường THPT Phiêng Khoài	
11	Bản Mường Lựm				56	
12	Bản Na Ban				55	
13	Bản Mé				55	
14	Bản Na Bàng				55	
15	Bản Nà Lằng				55	
16	Bản Na Ngua				55	
17	Bản Khẩu Khoang				55	
18	Bản Ôn Ốc				55	
19	Bản Pá Khôm				50	
20	Bản Đảo				50	
IV	Xã Sập Vạt	III		Trường TH-THCS Sập Vạt	Trường THPT Yên Châu	
1	Bản Pa Sang			12	12	
2	Bản Nhúng			13	13	
3	Bản Nóng Khéo (Nóng Khéo)			14	14	
4	Bản Na Pa			7		
				Trường THCS Nguyễn Cảnh Toàn		
5	Bản Nóng Khéo			12		
6	Bản Nhúng			10		

7	Bản Pa Sang			9		Trường THPT Phiêng Khoài		
8	Bản Pá Sang					48		
9	Bản Nhung					49		
10	Bản Nóng Khéo					50		
11	Bản Na Pa					43		
V	Xã Chiềng Đông	III		Trường THCS Chiềng Đông				
1	Bản Kéo Bó			18				
2	Bản Púng Khoai			12				
3	Bản Huổi Siểu			8				
				Trường THCS Nguyễn Cảnh Toàn		Trường THPT Yên Châu		
4	Bản Hươn			19		16		
5	Bản Đông Tấu			17		14		
6	Bản Chùm			18		15		
7	Bản Na Pàn			18		15		
8	Bản Huổi Siểu			25		22		
9	Bản Kéo Bó			35		32		
10	Bản Nhóm			20		17		
11	Bản Nậm Ún			20		17		
12	Bản Thèn Luông			18		15		
13	Bản Chai			17		14		
14	Bản Luông Mé			16,5		13,5		75

15	Bản Púng Khoai				33	30	
16	Bản Huổi Pù				17	14	
						Trường THPT Phiêng Khoài	
17	Bản Hươn					16	
18	Bản Đông Tấu					14	
19	Bản Chùm					15	
20	Bản Na Pản					15	
21	Bản Huổi Siểu					22	
22	Bản Keo Bó					32	
23	Bản Nhôm					17	
24	Bản Nậm Ứn					17	
25	Bản Thèn Luông					15	
26	Bản Chai					14	
27	Bản Luông Mé					13,5	
28	Bản Púng Khoai					30	
29	Bản Huổi Pù					14	
VI	Xã Yên Sơn				Trường THCS Nguyễn Cảnh Toàn	Trường THPT Yên Châu	
1	Bản Bó Phương				15	12	
2	Bản Chiềng Yên				22	19	
3	Bản Kim Sơn II				27	24	
4	Bản Cò Chia				26	23	
5	Bản Chiềng Hưng				19	16	
6	Bản Chờ Lồng				19	16	

5	Bản Co Tóm			7	20	
6	Bản Khuông			8	18	
7	Bản Đìn Chí				17	
8	Bản Keo Đồn				20	
9	Bản Ta Liễu			8	23	
10	Bản Nà Cài			7	25	
11	Bản Trạm Hóc				16	
12	Bản Trảng Nặm				27	
				Trường THCS Nguyễn Cảnh Toàn	Trường THPT Yên Châu	
13	Bản Trạm Hóc			29	26	
14	Bản Nà Đít			32	29	
15	Bản Nà Dạ			34	31	
16	Bản Đìn Chí			39	36	
17	Bản Khuông			41	38	
18	Bản Nà Cài			43	40	
19	Bản A La			39	36	
20	Bản Co Tóm			38	35	
21	Bản Keo Đồn			36	33	
22	Bản Ta Liễu			37	34	
23	Bản Suối Cút			39	36	
24	Bản Trảng Nặm			27	24	
VIII	Xã Phiêng Khoài	III		Trường THCS Phiêng Khoài	Trường THPT Phiêng Khoài	

1	Bản Lao Khố I				13	13	
2	Bản Páo Cửa				10	10	
					Trường THCS Nguyễn Cảnh Toàn	Trường THPT Yên Châu	
3	Bản Ten Luông				34	31	
4	Bản Ái I				32	29	
5	Bản Ái II				31	28	
6	Bản Na Nhươi				32	29	
7	Bản Đan Đón (Đán Đón)				39	36	
8	Bản Huồi Sai				39	36	
9	Bản Tà Ẽn				39	36	
10	Bản Keo Muông				39	36	
11	Bản Bó Sinh				41	38	
12	Bản Cồn Huốt I				40	37	
13	Bản Hang Mon II				36	33	
14	Bản Tam Thanh				38	35	
15	Bản Thanh Yên II				31	28	
16	Bản Thanh Yên I				29	26	
17	Bản Kôn Khăm				34	31	
18	Bản Ái II				31	28	
19	Bản Cồn Huốt II				36	33	
20	Bản Bó Rôm				40	37	
21	Bản Kim Chung I				37	34	

22	Bản Kim Chung II			37	34		
23	Bản Kim Chung III			38	35		
24	Bản Lao Khô II			43	40		
25	Bản Hang Mon I			38	35		
26	Bản Páo Cua			31	28		
27	Bản Lao Khô I			50	47		
28	Bản Nà Lù			34	31		
29	Bản Co Mon			37	34		
30	Bản Hang Cẩn			46	43		
31	Bản Quỳnh Chung			38	35		
32	Bản Nậm Bó			33	30		
33	Bản Quỳnh Liên			31	28		
IX	Xã Lóng Phiêng	III	Trường TH Lóng Phiêng A	Trường THCS Lóng Phiêng	Trường THPT Phiêng Khoài		
1	Bản Cò Chia			10	12		
2	Bản Nà Mùa			8	12		
3	Bản Mỏ Than		4	8	10		
4	Bản Tô Buông		4		11		
				Trường THCS Nguyễn Cảnh Toàn	Trường THPT Yên Châu		
5	Bản Pa Sa			34	37		
6	Bản Nà Mùa			44	47		
7	Bản Tô Buông			36	39		
8	Bản Cò Chia			50	53		

[illegible]

Phụ lục số 02

**DANH SÁCH CÁC XÃ, BẢN CÓ ĐỊA HÌNH CÁCH TRỞ, GIAO THÔNG ĐI LẠI KHÓ KHĂN LÀM CẢN CỨ
XÁC ĐỊNH HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY ĐỀ THỰC HIỆN
CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực III hoặc bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú (ghi rõ lý do như: qua sông, hồ, suối, núi cao, qua vùng sạt lở, đá nguy hiểm...)	ĐƠN VỊ CÔNG BỐ SƠN LA/Số 23/Ngày 30-10-2021
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 01 km trở lên đến dưới 4 km)	Trường THCS (khoảng cách từ 02 km trở lên đến dưới 7 km)	Trường THPT (khoảng cách từ 05 km trở lên dưới 10 km)		
1	2	3	4	5	6	7	
A. Các trường học trên địa bàn huyện Mai Sơn: Gồm 08 lượt xã, 33 lượt bản							
I	Xã Chiềng Nơi	III	Trường TH Chiềng Nơi	Trường PTDTBT THCS Chiềng Nơi			
1	Bản Phé		3			Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
2	Bản Cho Cong (bản Cho Coong)		1,5			Đường sạt lở, đi lại khó khăn Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481	
3	Bản Nhung Trên (khu Huổi Phường)		1,5			Đường sạt lở, đi lại khó khăn, qua suối	
4	Bản Nhung Trên (khu Huổi Mò)		1,5			Đường sạt lở, đi lại khó khăn, qua suối	
5	Bản Bằng Ban		1,5			Đường sạt lở, đi lại khó khăn, qua suối	
6	Bản Sài Khao		1,5			Đường sạt lở, đi lại khó khăn, qua suối	
7	Bản Huổi Lấp		2,5			Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
8	Bản Nà Phẳng (bản Nà Phẳng)		2,5			Đường sạt lở, đi lại khó khăn Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481	
9	Bản Nhung Trên			3		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
II	Xã Nà Ót	III		Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ót			83

1	Bán Nậm Lạnh				5		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
2	Bán Há Sét				6		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
3	Bán Xà Kìa				4		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
4	Bán Lọ Dên				5		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
III	Xã Chiềng Kheo	III	Trường TH - THCS Chiềng Kheo				
1	Bán Nà Viên (khu Páng Sáng A)		2,7				Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (điểm trường Nà Viên)
2	Bán Buốt Vắn (khu Tô Vắn)		3,7				Đường sạt lở, đi lại khó khăn (điểm trường Buốt Vắn)
IV	Xã Tà Hộc	III	Trường TH - THCS Tà Hộc		Trường TH - THCS Tà Hộc		
1	Bán Hộc		2,5		2,5		Học sinh bán Hộc bên kia suối Hộc; đường sạt lở đi lại khó khăn
V	Xã Phiêng Cầm	III	Trường PTDT Bán trú TH-THCS Phiêng Cầm (Tiểu học)		Trường PTDT Bán trú TH-THCS Phiêng Cầm (THCS)		
1	Bán Hua Nà		3,5				Đường sạt lở, đi lại khó khăn
2	Bán Huổi Nhả (Huổi Nhả Khơ Mú + Phiêng Phụ A cũ)		2		5		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
3	Bán Huổi Nhả Thái		2				Đường sạt lở, đi lại khó khăn
4	Bán Phiêng Phụ (Phiêng Phụ B + Lọng Ban)				6		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
5	Bán Nong Nghè		2				Đường sạt lở, đi lại khó khăn
6	Bán Xà Nghè		3				Đường sạt lở, đi lại khó khăn
VI	Xã Phiêng Pản	III	Trường Tiểu học Phiêng Pản				
1	Bán Đen		3				Đường sạt lở, đi lại khó khăn
2	Bán Kết Nà		3				Đường qua suối, Sạt lở khó đi

3	Bán Xà Cánh		3			Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
4	Bán Phiêng Khàng (Nà Mòn)		3			Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
5	Bán Pên		3			Đường qua suối, sạt lở khó đi	
			Trưởng PTD/TBT TH-THCS Phiêng Păn (Tiểu học)	Trưởng PTD/TBT TH-THCS Phiêng Păn (THCS)			
6	Bán Nà Pồng			5		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
7	Bán Pá Tong			4		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
8	Bán Pá Ban		3			Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
VII	Xã Chiềng Ve	III	Trưởng TH-THCS Chiềng Ve				
1	Bán Thắm (Khu Nà Lẩn)		3,5			Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (đường bản Thắm)	
2	Bán Khiềng (Đông Bai)		3,7			Đường sạt lở, đi lại khó khăn (điểm trường Khiềng)	
VIII	Xã Chiềng Lương	III			Trưởng THPT Cò Nòi		
1	Bán Pó In			8		Đường sạt lở, đi lại khó khăn, qua suối	
B. Các trường học trên địa bàn huyện Vân Hồ: Gồm 10 lượt xã, 24 lượt bản							
I	Xã Lóng Luông	III		Trưởng THCS Lóng Luông			
1	Bán Lũng Xá			5		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
2	Bán Tà Dê			5		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
II	Xã Mường Men	III	Trưởng TH&THCS Mường Men	Trưởng TH&THCS Mường Men			
1	Bán Chột		2			Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
2	Bán Khả Nhài			5		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
III	Xã Mường Tè	III	Trưởng TH&THCS Mường Tè	Trưởng TH&THCS Mường Tè			
							85

1	Bản Pơ Tào					6,5		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
2	Bản Pù Hiềng					6		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
IV	Xã Song Khũa	III		Trường TH&THCS Song Khũa		Trường TH&THCS Song Khũa		
1	Bản Co Hó					4		Đường đi lại khó khăn
V	Xã Chiềng Xuân					Trường TH&THCS Chiềng Xuân		
1	Bản Sa Lai					4		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
VI	Xã Suối Bàng	III		Trường TH&THCS Suối Bàng		Trường TH&THCS Suối Bàng		
1	Bản Nà Lòi					5		Đường qua suối, sạt lở, đi lại khó khăn
2	Bản Châu Phong					4		Đường qua suối, khó đi
VII	Xã Quang Minh					Trường TH&THCS Quang Minh		
1	Bản To Ngùi					4		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
VIII	Xã Xuân Nha	III		Trường TH&THCS Xuân Nha		Trường TH&THCS Xuân Nha		
1	Bản Nà Hiềng			3		3		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
2	Bản Thín					3		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
3	Bản Tùn			3		4		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
4	Bản Chiềng Hín					5		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
5	Bản Chiềng Nưa					4		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
IX	Xã Tân Xuân	III		Trường TH&THCS Tân Xuân		Trường TH&THCS Tân Xuân		
1	Bản Tây Tà Lào			2		5		Đường sạt lở, đi lại khó khăn
2	Bản Bún			2		5		Đường sạt lở, đi lại khó khăn

3	Bán Ngà		2	2		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
X	Xã Tô Múa		Trường TH&THCS Tô Múa	Trường TH&THCS Tô Múa			
1	Bán Đá Mài		3	8		Đi lại khó khăn	
2	Bán Bó Mồng			9		Đi lại khó khăn	
3	Bán Khảm			7		Đi lại khó khăn	
4	Bán Suối Liếm		4			Đi lại khó khăn	
5	Bán Lắc Mường			7		Đi lại khó khăn	
C. Các trường học trên địa bàn huyện Phù Yên: Gồm 05 lượt xã, 08 lượt bản							
I	Xã Suối Bau	III	Trường TH&THCS Suối Bau	Trường TH&THCS Suối Bau			
1	Bán Suối Chát		3	4		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
2	Bán Suối Giảng			4		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
II	Xã Tường Tiến	III	Trường TH&THCS Tường Tiến	Trường TH&THCS Tường Tiến			
1	Bán Tật			4		Qua sông, đường đi lại khó khăn	
2	Bán Thín			6		Qua sông, đường đi lại khó khăn	
III	Xã Mường Bang	III	Trường TH&THCS Mường Bang	Trường TH&THCS Mường Bang			
1	Bán Chè Mè			6		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
IV	Xã Suối Tọ	III	Trường PTDTBT TH&THCS Suối Tọ	Trường PTDTBT TH&THCS Suối Tọ			
1	Bán Suối Khang			6		Đường dốc giao thông địa lại khó khăn	
2	Bán Lũng Khoai		3	6		Đường dốc giao thông địa lại khó khăn	
V	Xã Bắc Phong	III	Trường TH&THCS Bắc Phong	Trường TH&THCS Bắc Phong			87

1	Bản Bura Đa			5		Đường sạt lở, nguy hiểm, đi lại khó khăn	
D. Các trường học trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai: Gồm 04 lượt xã, 16 lượt bản							
I	Xã Cà Nàng	III	Trường TH&THCS Cà Nàng	Trường TH&THCS Cà Nàng			
1	Bản Huổi Xường (bản Huổi Suông)			6		Đường qua đèo núi, đồi, khó đi, qua suối, qua khe, nước tràn ngập mùa mưa	
2	Bản Pạ Lò (bản Pạ cũ)			5		Đường qua đèo núi, đồi, khó đi, có qua vùng sạt lở đất nguy hiểm	
II	Xã Mường Sại	III	Trường TH&THCS Mường Sại	Trường TH&THCS Mường Sại			
1	Bản Nhà Sây (bản Nhà Sây, Muôn Sây cũ)			6		Đường qua đèo, núi đồi, dốc khó đi	
2	Bản Cỏi (bản Cỏi A cũ)		3			Đường qua đèo, núi đồi, dốc khó đi	
3	Bản Pha Đảo (bản Co Săn cũ)		3,4			Đường qua đèo, núi đồi, dốc khó đi (điểm trường Pha Đảo)	
4	Bản Pha Đảo (bản Huổi Tầm cũ)		4			Đường qua đèo, núi đồi, dốc khó đi (điểm trường Pha Đảo)	
5	Bản Huổi Tôm		4,5			Đường qua đèo, núi đồi, dốc khó đi (điểm trường Pha Đảo)	
III	Xã Nậm Ét	III	Trường TH&THCS Nậm Ét	Trường TH&THCS Nậm Ét			
1	Bản Cọ Muông (bản Muông cũ)		1,5			Đường qua đèo núi, đồi, khó đi, có qua vùng sạt lở đất nguy hiểm	
2	Bản Tôm		3,5			Đường qua đèo núi, đồi, khó đi, có qua vùng sạt lở đất nguy hiểm	
3	Bản Hào			6		Đường qua đèo núi, đồi, khó đi, có qua vùng sạt lở đất nguy hiểm	
4	Bản Giáng Ứn (Bản Giáng cũ)			6		Đường qua đèo núi, đồi, khó đi, có qua vùng sạt lở đất nguy hiểm	

IV	Xã Chiềng Khay	III	Trường Tiểu học Chiềng Khay	Trường PTDT BT THCS Chiềng Khay		
1	Bản Khâu Pùm			6		Đường qua đèo, núi đồi, dốc khó đi, có vùng sạt lở
2	Bản Co Que			5		Đường qua đèo, núi đồi, dốc khó đi
3	Bản Ít Ta Bót			4,2		Đường qua đèo, núi đồi, dốc khó đi
4	Bản Lọng Ó (Bản Hua Le cũ)			4,5		Đường qua đèo, núi đồi, dốc khó đi
5	Bản Lọng Ó (Bản Huồi Lóng cũ)			5,5		Đường qua đèo, núi đồi, dốc khó đi
E. Các trường học trên địa bàn huyện Bắc Yên: Gồm 14 lượt xã, 30 lượt bản						
I	Xã Song Pe	III	Trường TH xã Song Pe	Trường THCS xã Song Pe	Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Suối Quộc			4,5		Qua đèo núi cao, hiểm trở
2	Bản Pe				5	Qua đèo núi cao, hiểm trở. Học sinh bản Mồm được hưởng chính sách hỗ trợ
II	Xã Hồng Ngài	III	Trường PTDTBT TH-THCS Hồng Ngài	Trường PTDTBT TH-THCS Hồng Ngài	Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Hồng Ngài				8	Đường sạt lở
III	Xã Tạ Khoa	III	Trường TH xã Tạ Khoa	Trường THCS xã Tạ Khoa	Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Tân Tiến			5		Nhóm dân cư qua suối lớn không có cầu
2	Bản Tân Cường			6,8		Nhóm dân cư bản Nhận Cường cũ phải qua suối không có cầu.
IV	Xã Hua Nhàn	III	Trường PTDTBT TH Hua Nhàn	Trường PTDTBT THCS xã Hua Nhàn	Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Trông Dê		3,5	5		Đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm. Học sinh bản Noong Pát cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
V	Xã Chiềng Sại	III	Trường TH xã Chiềng Sại	Trường PTDTBT THCS xã Chiềng Sại	Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Quế Sơn		2	3		Đi qua sông không có cầu. Học sinh bản Lái Nhài được hưởng chính sách hỗ trợ

CÔNG BÁO SƠ LÃ/Số 23/Ngày 30-10-2021

Ngày 30-10-2021

2	Bản Quế Sơn			5			Đi qua sông không có cầu. Học sinh bản Mồm Bò được hưởng chính sách hỗ trợ
3	Bản Tăng			6			Đi qua sông không có cầu
4	Bản Ngâm, xã Song Pe			6			Đi qua sông không có cầu
VI	Xã Phiêng Côn	III	Trường TH-THCS Phiêng Côn	Trường TH-THCS Phiêng Côn	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản En			4,5			Học sinh bản Tăng cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
VII	Xã Chim Vàn	III	Trường TH xã Chim Vàn	Trường THCS xã Chim Vàn	Trường THPT Bắc Yên		CÔNG BẢO SƠN LA/Số 23/Nghị
1	Bản Suối Tù			6,3			Đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm
VIII	Xã Pắc Ngà	III	Trường TH xã Pắc Ngà	Trường THCS xã Pắc Ngà	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Lùm Thượng A			6			Đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm
2	Bản Lùm Thượng B			6,5			Đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm.
3	Bản Lùm Hạ			6			Đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm.
IX	Xã Tà Xùa	III	Trường TH-THCS Tà Xùa	Trường TH-THCS Tà Xùa	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Chung Trinh			6			Đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm
2	Bản Tà Xùa		3,5				Đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm. Học sinh bản Tà Xùa A Khu giáp Tà Xùa C cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
X	Xã Háng Đồng	III	Trường TH-THCS Háng Đồng	Trường TH-THCS Háng Đồng	Trường THPT Bắc Yên		23-10-2019
1	Bản Háng Đồng		3,8				Đường núi cao hiểm trở, qua suối lớn. Học sinh bản 2, bản Háng Đồng B cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
XI	Xã Làng Chếu	III	Trường TH xã Làng Chếu	Trường THCS xã Làng Chếu	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Háng Cao			3,5			Đường núi dốc đi lại khó khăn. Học sinh bản Háng A cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
2	Bản Trang Dưa Hang			3,5			Đường núi dốc đi lại khó khăn. Học sinh bản Háng C cũ được hưởng chính sách hỗ trợ

XII	Xã Xím Vàng	III	Trưởng PTD/TBT TH-THCS Xím Vàng	Trưởng PTD/TBT TH-THCS Xím Vàng	Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Háng Chơ			5,5		Nhóm dân cư bản Cúa Mang cũ trên 7 km hoặc nhóm dân cư qua vùng sạt lở nguy hiểm
2	Bản Xím Vàng		2			Qua đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm. Học sinh bản Háng Gò Bua khu 1 được hưởng chính sách hỗ trợ
XIII	Xã Hang Chú	III	Trưởng PTD/TBT TH Hang Chú	Trưởng PTD/TBT THCS xã Hang Chú	Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Suối Lệnh		1,8			Đèo núi cao, đường sạt lở nguy hiểm
2	Bản Nậm Lộng		3			Đèo núi cao, đường sạt lở nguy hiểm. Học sinh khu dân cư Nậm Lộng cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
3	Bản Nậm Lộng		2			Đèo núi cao, đường sạt lở nguy hiểm. Học sinh khu dân cư Hua Ngà cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
4	Bản Pa Cư Sáng			4		Đèo núi cao, đường sạt lở nguy hiểm
XIV	Xã Phiêng Ban	I	Trưởng TH Phiêng Ban	Trưởng THCS xã Phiêng Ban	Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Tam Hợp	ĐBKK			6	Đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm. Học sinh bản suối Ün cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
2	Bản Tam Hợp	ĐBKK			8	Đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm. Học sinh bản suối Thán cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
3	Bản Tam Hợp	ĐBKK			8	Đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm. Học sinh bản Bua B cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
4	Bản Phiêng Ban	ĐBKK			6	Đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm
F. Các trường học trên địa bàn huyện Sốp Cộp: Gồm 06 lượt xã, 15 lượt bản						
I	Xã Sốp Cộp	I	Trưởng TH và THCS Sốp Cộp	Trưởng TH và THCS Sốp Cộp	Trường THPT Sốp Cộp	
1	Bản Pá Hóc	ĐBKK			9,4	Qua đèo núi cao, vùng sạt lở, đá nguy hiểm
2	Bản Co Hình (Co Hình trên)	ĐBKK			5	Qua đèo núi cao, vùng sạt lở, đá nguy hiểm

3	Bản Tà Cọ	ĐBKK			6,5	Qua đèo núi cao, vùng sạt lở, đá nguy hiểm	
II	Xã Mường Và	III	Trường TH và THCS Mường Và	Trường TH và THCS Mường Và	Trường THPT Sốp Cộp		
1	Bản Nà Nghè Vèn (HS Huổi Vèn)	ĐBKK	3	6		Đường xấu, lầy lội, giao thông đi lại khó khăn	
2	Bản Co Đũa	ĐBKK	3	6		Đường xấu, lầy lội, giao thông đi lại khó khăn	
III	Xã Sam Kha	III	Trường PTDTBT TH và THCS Sam Kha	Trường PTDTBT TH và THCS Sam Kha	Trường THPT Sốp Cộp		
1	Bản Sam Kha	ĐBKK		5		Qua đèo núi cao, vùng sạt lở	
2	Bản Nậm Tia	ĐBKK		5		Qua vùng sạt lở đất, đá nguy hiểm	
3	Bản Púng Báng (Cụm Pú Nhừ)	ĐBKK	1,5			Qua suối, vùng sạt lở, đi lại khó khăn	
IV	Xã Nậm Lạnh	III	Trường PTDTBT TH và THCS Nậm Lạnh	Trường PTDTBT TH và THCS Nậm Lạnh	Trường THPT Sốp Cộp		
1	Bản Huổi Hịa	ĐBKK	2,5			Qua đèo núi cao, đường sạt lở đi lại khó khăn.	
2	Cang Kéo	ĐBKK	3			Qua đèo núi cao, đường sạt lở đi lại khó khăn.	
V	Xã Mường Lạn	III	Trường PTDTBT Tiểu học Mường Lạn	Trường PTDTBT THCS Mường Lạn	Trường THPT Sốp Cộp		
1	Bản Pá Kach (Cụm Pá Khóm)	ĐBKK	2,5			Đường qua suối, đèo núi cao, giao thông đi lại khó khăn	
2	Bản Huổi Pá (Cụm Nong Ôn)	ĐBKK	2,5			Đường qua suối, đèo núi cao, giao thông đi lại khó khăn	
VI	Xã Mường Lèo	III	Trường PTDTBT Tiểu học Mường Lèo	Trường PTDTBT THCS Mường Lèo	Trường THPT Sốp Cộp		
1	Bản Mạt (Cụm Pá Vắn)	ĐBKK		6		Qua suối, vùng sạt lở, đi lại khó khăn	
2	Bản Nậm Pùn (Cụm Pá Nó)	ĐBKK	3,5			Đường qua đèo núi cao, giao thông đi lại khó khăn	
3	Bản Nậm Pùn (Cụm Bản Buốt)	ĐBKK	3,5			Qua suối, đường sạt lở đi lại khó khăn	
G. Các trường học trên địa bàn huyện Thuận Châu: Gồm 11 lượt xã, 33 lượt bản							
I	Xã Bon Phặng	III		Trường TH-THCS Bon Phặng			

1	Bản Lấy				6		Đường đèo dốc, sạt lở, đi lại khó khăn	
II	Xã Pá Lông	III			Trường TH-THCS Pá Lông			
1	Bản Tinh Lá				6		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
2	Bản Sáu Me				6		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
3	Bản Tịa Tậu				4		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
4	Bản Hua Ngáy				4		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
5	Bản Tịa				4		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
III	Xã Phổng Lập	III		Trường Tiểu học Phổng Lập				
1	Bản Mầu Xá			2,5			Đường sạt lở, lầy lội, khó đi	
IV	Xã É Tông	III			Trường TH-THCS É Tông			
1	Bản Nà Tông				5,8		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
2	Bản Nà Lanh				4,8		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
3	Bản Thảm Ổn				6,1		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
4	Bản Huổi Lương				5,9		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
V	Xã Mường Bám	III		Trường Tiểu học Mường Bám 1	Trường THCS Mường Bám			
1	Bản Phèn			3			Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
				Trường Tiểu học Mường Bám 2				
2	Bản Nà La			2			Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
3	Bản Pá Chóng			2	6,8		Đường sạt lở, đi lại khó khăn, đi qua sông	
4	Bản Lào			3			Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
5	Bản Nà Pa			2			Đường sạt lở, đi lại khó khăn, đi qua sông	
6	Bản Pá Ban				6,3		Đường sạt lở, đi lại khó khăn, đi qua sông	93

7	Bán Pá Sàng				6		Qua cầu, Đường sắt lở, đi lại khó khăn	
VI	Xã Co Tông	III	Trường TH - THCS Co Tông	Trường TH - THCS Co Tông				
1	Bán Pá Cháo B				4		Qua đèo núi cao, vùng sạt lở nguy hiểm	
2	Bán Co Tông (Cụm Pá Dứa)				4		Qua đèo núi cao, vùng sạt lở nguy hiểm	
3	Bán Co Nhừ		2				Qua đèo núi cao, vùng sạt lở nguy hiểm	
VII	Xã Bó Mười	III			Trường TH-THCS Bó Mười A			CÔNG BÁO
1	Bán Lọng Cu				6		Đường sạt lở, lầy lội, đi lại khó khăn	
VIII	Xã Co Mạ				Trường PTDT bán trú THCS Co Mạ	Trường THPT Co Mạ		SƠN LA/Số 23/N
1	Bán Chả Lạy A				5	7	Đường sạt lở, đi lại khó khăn, đường rừng khó đi	
2	Bán Co Nghè A				6	8	Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
3	Bán Co Nghè B				6		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
4	Bán Láo Há				6,3	7	Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
IX	Xã Nậm Lầu	III	Trường Tiểu học Nậm Lầu	Trường THCS Nậm Lầu				Số 15-Đ-2021
1	Bán Nong				5,8		Đường giao thông khó khăn, lầy lội, qua suối, vùng sạt lở	
2	Bán Nậm Lầu				6		Đường giao thông khó khăn, lầy lội, qua suối, vùng sạt lở	
3	Bán Tông				6		Đường giao thông khó khăn, lầy lội, qua suối, vùng sạt lở	
4	Bán Nà Nội		3,5				Đường đèo núi cao	
X	Xã Long Hẹ	III				Trường THPT Co Mạ		
1	Bán Nậm Nhừ					9	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	
XI	Xã Púng Tra	III				Trường THPT Thuận Châu		
1	Bán Dồm					9	Đường đi lại khó khăn, qua suối, đèo núi cao	

2	Bán Nong Ó (Noong Ó)				7		Đường đi lại khó khăn, đường đất	
H. Các trường học trên địa bàn huyện Sông Mã: Gồm 16 lượt xã, 114 lượt bản								
I	Xã Chiềng Cang	III	Trường TH Chiềng Cang	Trường THCS Chiềng Cang				
1	Bán Mỏ		3	5			Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
2	Bán Nà Tý		3	5			Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
3	Bán Bó Lạ (bản Bó Lạ + bản Nà Cù)		1	6			Đường trơn trượt, đi lại khó khăn.	
4	Bán Nà Bon		1				Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
5	Bán Có		3				Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
6	Bán Huồi Tao		3				Qua đèo núi cao, đi lại khó khăn	
7	Bán Tin Tát		3				Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
8	Bán Cù			6			Qua đèo núi cao, đi lại khó khăn	
II	Xã Mường Hung	III	Trường TH Mường Hung	Trường THCS Mường Hung				
1	Bán Huồi		1,5	4,5			Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
2	Bán Lúa			4,5			Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
3	Bán Pho			4,5			Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
4	Bán Phiêng Hoi			4,8			Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
5	Bán Hát tám (H8)		3	6			Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
6	Bán Phiêng Pên			6			Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
7	Bán Quỳnh Long		2	4,5			Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
8	Bán Còi		1,5	4,1			Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
9	Bán Phiêng Nghiu	ĐBK	1,5				Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
10	Bán Huồi Hín	ĐBK	1,5				Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	95

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 23/Ngày 30-10-2021

11	Bản Nà Nong	ĐBK	2				Đường trơn trượt, đi lại khó khăn
12	Bản Nà Hưa	ĐBK	2				Đường trơn trượt, đi lại khó khăn
III	Xã Mường Cai	III	Trưởng TH Mường Cai	Trưởng PTD TBT THCS Mường Cai			
1	Bản Huổi Co			5			Đường trơn trượt, đi lại khó khăn
2	Bản Ta Lát			5			Đèo núi cao, qua vùng sạt lở
3	Bản Huổi Mươi			5			Đường trơn đi lại khó
4	Bản Mường Cai			5			Đường trơn, dốc quanh co đi lại khó
5	Bản Co Phường		3				Đường trơn đi lại khó
IV	Xã Huổi Một	III	Trưởng PTD TBT TH Huổi Một				
1	Bản Pa Tết		3				Đường qua suối, khó đi
2	Bản Co Mạ (bản Co Mạ A và bản Co Mạ B)		3				Đường sạt lở, đi lại khó khăn. HS trường TH không theo bản Co Mạ B
3	Bản Nậm Pù (bản Nậm Pù A và bản Nậm Pù B)		3				Đường sạt lở, đi lại khó khăn. HS trường TH không theo bản Nậm Pù B
V	Xã Nà Ngịu	III	Trưởng TH Nà Ngịu	Trưởng THCS Nà Ngịu	Trưởng THPT Sông Mã		
1	Bản Huổi Cỏi		3	4,5			Đường qua sông đi lại khó khăn
2	Bản Sào Và		3	5	8		Đường sạt, lở đi lại khó khăn
3	Bản Thón			4	8		Đường sạt, lở đi lại khó khăn
4	Bản Kéo				6		Qua suối, đèo núi cao, qua vùng sạt lở nguy hiểm
			Trưởng TH Bản Mé				
5	Bản Huổi Liu (Huổi Sắng + Nà Liu)		3				Đường lầy lội, sạt lở, đi lại khó khăn
VI	Xã Chiềng Khoang	III	Trưởng TH Chiềng Khoang	Trưởng THCS Chiềng Khoang	Trưởng THPT Sông Mã		

1	Bán Huỗi Hào		1,2	5	Đường gấp gheñh, tron trượt, sạt lở đi lại khó khăn
2	Bán Co Hay		3		Đường tron trượt, đi lại khó khăn
3	Bán Bon		3		Đường gấp gheñh, tron trượt, sạt lở đi lại khó khăn
4	Bán Đứa Muội		3		Đường tron trượt, đi lại khó khăn
5	Bán Bó Quỳnh		1,5		Đường tron trượt, đi lại khó khăn
6	Bán Ít Lóc		1,5		Đường tron trượt, đi lại khó khăn
7	Bán Huỗi Xim		2		Đường tron trượt, đi lại khó khăn
8	Bán Xi Lô		2		Đường gấp gheñh, tron trượt, sạt lở đi lại khó khăn
9	Bán Phiêng Xim		3		Đường tron trượt, đi lại khó khăn
10	Bán Pá Khòm			5	Đường tron trượt, đi lại khó khăn
			Trường TH Hải Sơn		
11	Bán Pá Bông		3		Đường tron trượt, đi lại khó khăn
12	Bán Nộc Kỳ		3		Đường tron trượt, đi lại khó khăn
13	Bán Pá Có		3	6	Đường tron trượt, đi lại khó khăn
14	Bán Lán Lanh		2		Đường tron trượt, đi lại khó khăn
15	Bán Huỗi Nóng		2,5	6	Qua suối, đường sạt lở khó đi
16	Bán Co Sán		2		Đường tron trượt, đi lại khó khăn
VII	Xã Nậm Mẩn	III	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Mẩn	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Mẩn	
1	Bán Chạy Cang (bản Chạy)		1,5		Đường tron, lầy lội đi lại khó khăn
2	Bán Huỗi		1,5		Đèo núi cao, qua vùng sạt lở
3	Bán Pá Ban		2,5		Đèo núi cao, qua vùng sạt lở
4	Bán Nhà Sầy			5,5	Đèo núi cao, qua vùng sạt lở,

5	Bản Púng Khương				5,5		Đèo núi cao, qua vùng sạt lở	
6	Bản Huổi Khoang		1,5				Đường trơn, lầy lội đi lại khó khăn	
VIII	Xã Mường Lầm	III	Trường TH&THCS Mường Lầm	Trường TH&THCS Mường Lầm				
1	Bản Hịa		3	3			Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
2	Bản Pá Có		3	3			Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
3	Bản Huổi Ến			4			Đường qua sông, sạt lở, đi lại khó khăn	
IX	Xã Yên Hưng	III	Trường TH Yên Hưng	Trường THCS Yên Hưng	Trường THPT Mường Lầm			CÔNG BÁO SƠN LA/Số
1	Bản Huổi		2,5				Qua suối, đường khó đi	23/
2	Bản Lẹ		1				Qua suối, đường khó đi	Ngày
3	Bản Bua		2,5				Qua suối, đường khó đi	30-10-2021
4	Bản Pọng		2				Qua suối, đường khó đi	
5	Bản Nà Dìa		1				Qua suối, đường khó đi	
6	Bản Hải Hưng (bản Hải Triều và Hưng Mã)		3				Qua sông, đường đi khó	
7	Bản Lũng Há		2,5				Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
8	Bản Huổi Púng		3				Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
9	Bản Pá Pao				9		Đi qua suối chưa có cầu, đường đất khó đi	
10	Bản Hua Sòng				8,5		Đi qua suối chưa có cầu, đường đất khó đi	
X	Xã Chiềng Phung	III	Trường TH&THCS Chiềng Phung	Trường TH&THCS Chiềng Phung				
1	Bản Nà Lạt		4,5	3,5			Đường sạt lở, đi lại khó khăn (Khối TH; THCS)	
2	Bản Cù Bú		2,5				Đường sạt lở, đi lại khó khăn (Khối TH)	
3	Bản Co Khương		3				Đường sạt lở, đi lại khó khăn (Khối TH)	

4	Bản Nà Ban		3			Đường sạt lở, đi lại khó khăn (Khối TH)	
5	Bản Nong Xô			5		Đường sạt lở, đi lại khó khăn (Khối THCS)	
6	Bản Pá Trá			6		Đường sạt lở, đi lại khó khăn (Khối THCS)	
7	Bản Chéo			6		Đường sạt lở, đi lại khó khăn (Khối THCS)	
XI	Xã Đưa Mòn	III	Trưởng TH Đưa Mòn	Trưởng PTDTBT THCS Đưa Mòn			
1	Bản Cù (bản Cù 1 và bản Cù 2)		1			Qua suối, đường đi khó	
2	Bản Đưa Mòn		2			Qua suối, đường khó đi	
3	Bản Nà Tấu II		3			Đường sạt lở, trơn trượt đi lại khó khăn	
4	Bản Tia		1,5			Đường qua suối, khó đi	
5	Bản Hìn Pên		3			Đường sạt lở, trơn trượt đi lại khó khăn	
6	Bản Nộc Cóc II		2,5			Đường sạt lở, trơn trượt đi lại khó khăn	
7	Bản Phá Thóng		2			Đường qua suối, sạt lở khó đi	
8	Bản Huồi Lạnh		3			Đường qua suối, sạt lở khó đi	
9	Phiêng Muống		2			Đường sạt lở, trơn trượt đi lại khó khăn	
10	Bản Trá Láy			5		Qua suối, đèo núi cao, đi lại khó khăn	
XII	Xã Chiềng En	III	Trưởng TH&THCS Chiềng En	Trưởng TH&THCS Chiềng En			
1	Bản Lọng Sây (Lọng Xáy)		3,5			Đường đất, sạt lở, đi lại khó khăn	
2	Bản Huồi Púng		2			Đường đất, sạt lở, đi lại khó khăn	
3	Bản Hua Pát		2			Đường đất, sạt lở, đi lại khó khăn	
4	Bản Hua Lung			6		Đường đất, sạt lở, đi lại khó khăn	
5	Bản Co Tông			6		Đường đất, sạt lở, đi lại khó khăn	
XIII	Xã Nậm Ty	III	Trưởng PTDTBT TH Nậm Ty	Trưởng PTDTBT THCS Nậm Ty			99

1	Bản Nà Hiếm		3	4	Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
2	Bản Huổi Tông		3	4	Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
3	Bản Nà Mện		3,5		Đường qua suối, khó đi	
4	Bản Pá Lâu			6	Đường đi qua đèo núi cao, sạt lở	
5	Bản Nà Lẩn			6,5	Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
6	Bản Xen Xay			6	Đường đi qua đèo núi cao, sạt lở	
XIV	Xã Bó Sinh	III	Trưởng PTDTBT TH&THCS Bó Sinh	Trưởng PTDTBT TH&THCS Bó Sinh		
1	Bản Hìn Hụ			5	Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
2	Bản Bó Kheo			5	Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
3	Bản Pát (bản Pát và bản Co Mị)			5	Qua sông, đi lại khó khăn	
4	Bản Ngày			6	Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
5	Bản Nong		3		Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
6	Bản Pá Khoang		3		Đường trơn trượt, đi lại khó khăn	
7	Bản Bằng Mòn			4	Qua suối, đi lại khó khăn	
XV	Xã Pú Bấu	III	Trưởng TH&THCS Pú Bấu	Trưởng TH&THCS Pú Bấu		
1	Bản Pú Bấu		1,5	2,5	Đường sạt lở, đi lại khó khăn (HS bản Ma Mẫu hường)	
2	Bản Pá Lâu I		2		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
3	Bản Pá Lâu II		1		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
4	Bản Pá Ca (Bản Pá Pao và Ma Mẫu)		1		Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
5	Bản Háng Xía			6	Đường sạt lở, đi lại khó khăn	
6	Bản Hấp			6	Đường sạt lở, đi lại khó khăn	

7	Bản Huồi Lán		3			Đường sạt lở, đi lại khó khăn		
XVI	Xã Mường Sai	III	Trường PTDTBT TH&THCS Mường Sai	Trường PTDTBT TH&THCS Mường Sai				
1	Bản Ô (Bản Ô và Bản Lon Sắn)		2	3		Đường qua suối, đi lại khó khăn (khu bản Lon Sắn cũ)		
2	Bản Nà Hò (bản Nà Hò và bản Buôm Ban)		1	3		Đường qua suối, đi lại khó khăn (khu bản Buôm Ban cũ)		
3	Bản Nà Un Ngoài		1,5	5		Đi lại khó khăn (khu bản Nà Un cũ)		
4	Bản Púng Cắm		2,5	2		Đường qua suối (khu bên kia suối)		
I. Các trường học trên địa bàn huyện Mộc Châu: Gồm 02 lượt xã, 09 lượt bản								
I	Xã Lóng Sập	II	Trường PTDTBT TH & THCS Lóng Sập (Tiểu học)	Trường PTDTBT TH & THCS Lóng Sập (THCS)				
1	Bản Buốc Pát	ĐBKK		5		Qua đèo, núi cao, sạt lở, nguy hiểm, đi lại khó khăn		
2	Bản Co Cháy	ĐBKK		5		Qua đèo, núi cao, sạt lở, nguy hiểm, đi lại khó khăn		
3	Bản Pha Nhên	ĐBKK		5		Qua đèo, núi cao, sạt lở, nguy hiểm, đi lại khó khăn		
II	Xã Tân Hợp	II	Trường PTDT BT TH & THCS Tân Hợp (Tiểu học)	Trường PTDT BT TH & THCS Tân Hợp (THCS)				
1	Bản Suối Khoang	ĐBKK	3	3		Đường sạt lở, đi lại khó khăn		
2	Bản Pơ Nang	ĐBKK	3	3		Đường sạt lở, đi lại khó khăn		
3	Bản Suối Xáy (hoặc Suối Sáy)	ĐBKK	3			Đường qua suối, khó đi		
4	Bản Nà Mý (hoặc Nà Mí)	ĐBKK	3			Đường qua suối, khó đi		
5	Bản Lũng Mú	ĐBKK	3			Đường sạt lở, đi lại khó khăn		
6	Bản Bó Liều	ĐBKK	2			Đường sạt lở, đi lại khó khăn		
K. Các trường học trên địa bàn huyện Mường La: Gồm 08 lượt xã, 23 lượt bản								
I	Xã Tạ Bú	III		Trường TH-THCS Tạ Bú				
1	Bản Tôm			5		Qua sông, đường đi lại khó khăn		
2	Bản Pết			4		Qua sông, đường đi lại khó khăn		
							101	

CÔNG BÁO

SỐ 23

Ngày 30-10-2021

4	Bản Co Sù Dưới		3			Đường sạt lở, đi lại khó khăn		
VI	Xã Chiềng Hoa	III		Trường THCS Chiềng Hoa				
1	Bản Áng Nghịu			4,5		Đường qua suối không có cầu, sạt lở khó đi		
2	Bản Phương Yên			3,5		Đường qua sông không có cầu, đi lại khó khăn		
VII	Xã Chiềng Lao	III		Trường THCS Chiềng Lao				
1	Bản Xu Xám			2,8		Qua sông, hồ, đường đi lại khó khăn.		
VIII	Xã Chiềng Ân	III		Trường TH-THCS Chiềng Ân				
1	Bản Háng Trạng			5,4		Đường đèo núi cao, sạt lở, đá nguy hiểm, qua suối không có cầu		
M. Các trường học trên địa bàn huyện Yên Châu: Gồm 08 lượt xã, 75 lượt bản								
I	Xã Tú Nang	III	Trường Tiểu học Tú Nang	Trường THCS Tú Nang				
1	Bản Nong Pết			6,2		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn		
2	Bản Cốc Cù					Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn		
3	Bản Cốc Nóng		1,5	4,6		Qua suối, đường khó đi		
4	Bản Tín Tóc		1,3	4,4		Qua suối, đường khó đi		
5	Bản Nàng Yên			4,2		Đường sạt lở, giao thông đi lại khó khăn		
			Trường TH-THCS Tà Làng	Trường TH-THCS Tà Làng				
6	Bản Cay Ton (Cáy Ton)		3,0			Đèo núi cao, đi lại khó khăn		
7	Bản Co Tông		1,5			Đèo núi cao, đi lại khó khăn		
8	Bản Bó Mon		1,0			Đèo núi cao, đi lại khó khăn		
9	Bản Hua Đán		1,5	2,0		Đèo núi cao, đi lại khó khăn		103

CÔNG BẮC SƠN LA/Số 23/Ngày 30-10-2021

10	Bản Tà Làng Cao			1,2	3,0		Đèo núi cao, đi lại khó khăn
11	Bản Văng Phay			2,0	3,5		Qua suối, đường khó đi
12	Bản Tú Quỳnh			3,0			Đèo núi cao, đi lại khó khăn
13	Bản Tà Làng Thấp			2,0	2,0		
II	Xã Mường Lựm	III		Trường TH- THCS Mường Lựm	Trường TH- THCS Mường Lựm		
1	Bản Pá Khòh			2,0	11,0		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
2	Bản Đào				7,5		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
3	Bản Ôn Ốc			2,5	8,0		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
4	Bản Khẩu Khoang				5,0		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
III	Xã Sập Vạt	III		Trường TH- THCS Sập Vạt	Trường TH- THCS Sập Vạt		
1	Bản Pa Sang			2,0			Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
2	Bản Nóng Khéo (Nóng Khéo)			4,0			Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
3	Bản Nhung			2,0			Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
4	Bản Bất Đông			2,5	4,0		Qua suối, đường khó đi
IV	Xã Chiềng Đông	III			Trường THCS Chiềng Đông		
1	Bản Huổi Pù				2,0		Qua suối không có cầu
2	Bản Nhôm				3,0		Qua suối không có cầu
3	Bản Na Pán				2,0		Qua suối không có cầu
V	Xã Chiềng On	III		Trường TH Chiềng On	Trường PTDTBT THCS Chiềng On		
1	Bản Nà Đít			2,5			Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
2	Bản Nà Dạ			2,5			Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn

3	Bản Suối Cút		2,0	5,0		Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
4	Bản A La		2,5	4,8		Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
5	Bản Co Tôm		2,0			Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
			Trường TH Nà Cài			
6	Bản Khuông		2,5			Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
7	Bản Đin Chí		5,0	5,0		Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
8	Bản Keo Đồn		6,0	4,6		Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
9	Bản Ta Liễu		8,0			Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
10	Bản Nà Cài					Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
VI	Xã Phiêng Khoài	III	Trường TH Kim Chung	Trường THCS Phiêng Khoài	Trường THPT Phiêng Khoài	
1	Bản Huồi Sai		2,0	8,0	8,0	Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
2	Bản Năm Bó		1,5	8,0	8,0	Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
3	Bản Đan Đón (Đán Đón)		2,0	6,0	6,0	Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
4	Bản Tam Thanh		2,5	5,0	5,0	Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
5	Bản Cồn Huốt II		2,0	6,0	6,0	Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
6	Bản Con Khảm		2,5	5,0	5,0	Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
			Trường TH Lao Khô			
7	Bản Bó Sinh		2,0	6,0	6,0	Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
8	Bản Keo Muông		3,5	5,0	5,0	Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
9	Bản Lao Khô II		2,0	6,0	6,0	Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
10	Bản Bó Rôm				6,0	Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn
11	Bản Tà Ên		3,0	5,0	5,0	Địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn

12	Bán Năm Bó		3,5		8,0	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
13	Bán Hang Cẩn		2,0		7,0	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
14	Bán Co Mon				7,0	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
15	Bán Na Lù				9,0	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
16	Bán Páo Cùa				7,0	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
17	Bán Na Nhươi				6,5	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
18	Bán Quỳnh Chung				5,0	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
19	Bán Ái I				7,0	Bản có điều kiện đi lại khó khăn
20	Bán Ái II				7,5	Bản có điều kiện đi lại khó khăn
21	Bán Ten Luông				8,0	Bản có điều kiện đi lại khó khăn
22	Bán Thanh Yên I				6,0	Bản có điều kiện đi lại khó khăn
23	Bán Thanh Yên II				5,5	Bản có điều kiện đi lại khó khăn
24	Bán Quỳnh Liên				7,0	Bản có điều kiện đi lại khó khăn
25	Bán Hang Mon II				5,0	Bản có điều kiện đi lại khó khăn
VII	Xã Lóng Phiêng	III	Trường TH Lóng Phiêng A	Trường THCS Lóng Phiêng		
1	Bán Cò Chia		2,0			Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
2	Bán Nà Mùa		2,5			Đường qua suối, không có cầu
3	Bán Mơ Tươi		3,5		6,0	Đường sạt lở, giao thông đi lại khó khăn
4	Bán Mỏ Than		3,5			Đường sạt lở, giao thông đi lại khó khăn
			Trường TH Lóng Phiêng B			
5	Bán Pa Sa		2,0		5,0	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
6	Bán Nong Đúc		1,5		5,3	Đường sạt lở, giao thông đi lại khó khăn

7	Bản Tà Vàng		1,0	4,5		Đường sạt lở, giao thông đi lại khó khăn
8	Bản Pha Cúng			5,5		Đường sạt lở, đèo núi cao, giao thông đi lại khó khăn
9	Bản Tô Bường			5,0		Đường sạt lở, giao thông đi lại khó khăn
VIII	Xã Chiềng Tương	III	Trường TH Chiềng Tương	Trường PTDTBT THCS Chiềng Tương		
1	Bản Pa Kha III			5,0		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
2	Bản Pom Khóc		2,0	9,0		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
3	Bản Đin Chí		2,0	5,0		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
4	Bản Bó Hìn		3,0	5,0		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
5	Bản Đề A		2,5	5,0		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
6	Bản Co Lắc		2,5	6,0		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
7	Bản Pa Khôm		2,5	9,0		Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn
Tổng cộng: Gồm 92 lượt xã, 380 lượt bản						

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com